|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH TRƯỜNG SƯ PHẠM |  CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành đào tạo: Các ngành Cử nhân Sư phạm Xã hội**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

“TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP”

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983067973; Email: htnga@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp dạy học Giáo dục chính trị.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916811309; Email: Canbt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Hồ Chí Minh học, Chính trị học, Phương pháp dạy học.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |
| --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP(tiếng Anh): Organizing experiential and career-oriented activities |
| - Mã số học phần: POL21003 |
| - Thuộc CTĐT ngành: các ngành Sư phạm Xã hội |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức cơ bản **Kiến thức cơ sở ngành** Kiến thức ngành |  Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  |  Tự chọn |
| - Số tín chỉ: 02 |  |
| + Số tiết lý thuyết: 15 |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập |  |
| + Số tiết thực hành: 15 |  |
| + Số tiết tự học: 60 |  |
| - Điều kiện đăng ký học: |  |
| + Học phần tiên quyết: **Giáo dục học** | Mã số HP: EDU20006 |
| + Học phần học trước: không | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS.+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành. |
| - Khoa phụ trách học phần: Bộ môn PPDH - TTHCM, Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạmĐiện thoại: Email: |

**2. Mô tả học phần**

Học phần “Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành sư phạm xã hội, dành cho sinh viên các ngành sư phạm xã hội, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, trên cơ sở đó giúp sinh viên phát triển được kĩ năng thiết kế và sử dụng các phương pháp, hình thức để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với môn học ở nhà trường theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần này giúp sinh viên có kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông trên cơ sở đó sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để giải quyết những những tình huống trong thực tiễn. Qua đó, sinh viên có kỹ năng tự học, tự rèn luyện trong quá trình lĩnh hội tri thức và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. Đồng thời sinh viên có khả năng sáng tạo và thích ứng với các môi trường hoạt động.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

CLO1. Sinh viên có kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông.

CLO2. Sinh viên sử dụng linh hoạt các phương pháp tự học, tự rèn luyện trong quá trình lĩnh hội tri thức và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

CLO3. Hình thành kĩ năng thiết lập mối quan hệ trong nhà trường, gia đình học sinh và xã hội để tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu học phần | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo |
| PO1 | PO2 | PLO3 |
| PLO1.3 | PLO2.1 | PLO3.2 |
| 1.3.1 | 2.1.2 | 3.2.1 |
| CLO1 | 1,0 |  |  |
| CLO2 |  | 1,0 |  |
| CLO3 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR****học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 |  | *Giải thích* được các nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. | - Thuyết trình, đàm thoại. | Hỏi đáp; Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ |
| CLO1.2 |  | Xác định hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. | - Đàm thoại, thảo luận; tranh luận. | Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ |
| CLO1.3 |  | Lựa chọn được phương pháp, công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. | - Đàm thoại, thảo luận nhóm. | Bài tập nhóm |
| CLO2.2 |  | *Xây dựng* được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chủ đề. | - Thực hành- Thảo luận nhóm. | Quan sát Tự luận/ Thực hành |
| CLO3.1 |  | *Thiết lập* phương thức giao tiếp bằng lời nói trực tiếp, văn bản viết và đa phương tiện trong xây dựng Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. | - Thực hành- Thảo luận nhóm. | Quan sát Tự luận/ Thực hành |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,****minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ****đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ** | **Tỷ lệ****(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** |  | **50%** |
| A1.1 | Quan sát, điểm danh, nhiệm vụ cá nhân; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubrics số 1 | CLO3.1;CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | Bài tập cá nhân tự luận (Thi giữa kỳ)GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubrics số 2 | CLO1.1 | 50% | 20% |
| CLO1.2 | 50% |
| A1.3 | Bài tập nhómGV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubrics số 3  | CLO1.3 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** |  | **50%** |
| A2.1 | **Bài tập thực hành/nhóm báo cáo**- 01 Sản phẩm trình bày dạng file word và Powerpoint (bản trình chiếu và bản in).- Phần Báo cáo/thuyết trình SP*GV đánh giá và lưu hồ sơ* | Rubrics số 4 | CLO2.2 | 50% |  |
| CLO3.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10** |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** |
| **5,0 – 4,5** | **4,0 – 3,0** | **2.5 – 2,0**  | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học*****(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM, - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định.- Tích cực phát biểu xây dựng bài  | - Nghe trên 90% bài SCORM;- Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp theo quy định.- Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài SCORM;- Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp theo quy định.- Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài SCORM;- Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp theo quy định.- Không phát biểu xây dựng bài. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm*****(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.- Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cựctrong các giờ học.- Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.- Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |

**5.2.2. Rubric đánh giá A.1.2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Tốt | Trung bình | Yếu - Kém | ***Điểm*** |
| - Nhận và nộp bài tập đúng thời gian quy định.- Tự phát hiện được vấn đề của bài tập một cách nhanh nhạy.- Có sáng tạo trong quá trình hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân. | - Nhận và nộp bài tập đúng thời gian quy định.- Tự phát hiện được vấn đề của bài tập.- Có sự sáng tạo trong quá trình hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân. | - Nhận và nộp bài tập chưa đúng thời gian quy định.- Không tự phát hiện được vấn đề của bài tập; cần có hướng dẫn của GV.- Hoàn thành đúng yêu cầu của bài tập. | - Nhận và nộp bài tập quá thời gian quy định (GV phải gia hạn thời gian nộp bài).- Chưa hoàn thành yêu cầu của bài tập.- Copy bài trên mạng. - Không nộp bài không có điểm. | ***10*** |
| 9,0 - 10 | 7,5 – 8,5 | 5,5 – 7,0 | Dưới 5,5 |  |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10** **(Bằng chữ: ………………………………………………………)** |

**5.2.3. Rubric đánh giá A.1.3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 9,0 – 10 | 7,5 – 8,5 | 5,5 – 7,0 | Dưới 5,5 |
| **Bài tập nhóm** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.- Sản phẩm đạt chất lượng tốt.- Hoàn thành đúng thời hạn.- Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.- Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.- Sản phẩm đạt chất lượng khá.- Hoàn thành đúng thời hạn.- Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết- Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.- Sản phẩm đạt yêu cầu.- Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.- Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng còn sơ sài, chung chung.- Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ TB về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.- Sản phẩm không đạt yêu cầu, hoặc chỉ đạt 1 phần yêu cầu.- Hoàn thành không đúng thời hạn.- Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm- Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |

**5.2.4. Rubrics đánh giá A2.1 (50% của số điểm tổng kết)**

**Trong đó có:**

- 01 Sản phẩm trình bày dạng word: 30% điểm tổng kết (60%/100% của bài đánh giá)

- Báo cáo/thuyết trình SP: 20% điểm tổng kết (40%/100% của bài đánh giá)

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Chương trình giáo dục Hoạt động trải nghiệm – Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Bộ Giáo dục và đào tạo, năm 2018.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1]. Vương Khả Anh, Bùi Thị Cần (2024), “Xây dựng Kế hoạch tổ chức “Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” chủ đề ở trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, Tạp chí Khoa học, số 85/tháng 6 (2024), Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

[2]. <http://etep.moet.gov.vn>

[3]. <https://bigschool.vn/chuyen-de-hoat-dong-trai-nghiem-sang-tao>

**7. Kế hoạch dạy học**

**7.1. Các chương trong học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **1** | Chương 1 Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông |  |
| **2** | Chương 2Kiểm tra, đánh giá học sinh THPT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp |  |
| **3** | Chương 3.Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chủ đề ở trường THPT |  |

**7.2. Kế hoạch dạy học cụ thể (căn cứ lịch/kế hoạch nhà trường sắp xếp các tuần lý thuyết và thực hành; kết hợp lý thuyết và thực hành)**

GV thống nhất với SV kết hợp các tuần lý thuyết và thực hành để đảm bảo nguyên tắc học gắn liền thực hành sau từng chương theo quy trình đào tạo CDIO: Hình thành ý tưởng-Thiết kế đề cương-Triển khai-Vận hành.

 **8. Quy định của môn học**

- Sinh viên nộp Hồ sơ môn học theo yêu cầu.

- Sinh viên phải hoàn thành 100% bài tập/báo cáo do giảng viên giao.

- Sinh viên phải hoàn thành tối thiểu 80% học scorm bài giảng các chương trên elearning.

- Sinh viên dự lớp tối thiểu 80% số tiết giảng.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm

- Địa chỉ/email: Số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoa GDCT/Trường Sư phạm** | **Giảng viên****TS. Bùi Thị Cần** |